UBND TỈNH LONG AN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 567/SGDĐT-VP

Long An, ngày 15 tháng 3 năm 2016

V/v triển khai thực hiện Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT ngày 31/12/2015 của Bộ GD&ĐT

Kính gửi:
- Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng phòng Sở;
- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thị xã, thành phố;
- Các trường, trung tâm, đơn vị thuộc Sở.

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT ngày 31/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/02/2016 thay thế thông tư số 12/2012/TT-BGDĐT ngày 03/4/2012 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Giáo dục;

Ngày 30/12/2015, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Công văn số 6819/BGDĐT-TĐKT về việc tiếp tục phát động phong trào thi đua "Dạy tốt-Học tốt" và xét khen thưởng năm học 2015-2016 khối các Sở Giáo dục và Đào tạo.

Giám đốc Sở GD&ĐT đề nghị Thủ trưởng các đơn vị triển khai và tổ chức thực hiện theo quy định.

(Đính kèm: Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT ngày 31/12/2015 và Công văn số 6819/BGDĐT-TĐKT ngày 30/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- GĐ, các PGĐ;
- TT CĐN;
- Lưu: VT, VP Sở.

KT. **GIÁM ĐỐC**
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH LONG AN

Huỳnh Thị Huệ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 6819 /BGDĐT- TĐKT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v Tiếp tục phát động phong trào thi đua "Dạy tốt - Học tốt" và xét khen thưởng năm học 2015 - 2016 khối các Sở Giáo dục và Đào tạo	*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2015*

Kính gửi: các Sở Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013; Thông tư số 07/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 2653/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng; Chỉ thị số 3131/CT-BGDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục chuyên nghiệp và các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2015 - 2016 của Bộ, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiếp tục triển khai thực hiện phong trào thi đua "Dạy tốt - Học tốt" và xét khen thưởng năm học 2015 - 2016 đối với các Sở Giáo dục và Đào tạo cụ thể như sau:

I. Mục tiêu: động viên đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người lao động toàn ngành chủ động, sáng tạo, quyết tâm thi đua "Dạy tốt - Học tốt", thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phấn đấu hoàn thành xuất sắc các lĩnh vực công tác năm học 2015 - 2016; chủ động phát hiện nhân tố mới, mô hình mới, nhân rộng điển hình, gương người tốt việc tốt, tạo bước chuyển biến căn bản về chất lượng phong trào thi đua, lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII.

II. Phạm vi, đối tượng: các Sở Giáo dục và Đào tạo, các tập thể, cá nhân thuộc ngành học giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục chuyên nghiệp.

III. Nội dung thi đua: thực hiện theo 19 lĩnh vực công tác (hoặc 18 lĩnh vực công tác đối với các Sở Giáo dục và Đào tạo không thực hiện lĩnh vực giáo dục dân tộc). Thang điểm đánh giá mỗi lĩnh vực công tác là 10 điểm. Tổng số điểm thực hiện các lĩnh vực công tác là 190 điểm hoặc 180 điểm đối với các Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện 18 lĩnh vực công tác.

1. Giáo dục Mầm non

a) Triển khai, thực hiện các văn bản chỉ đạo, các cuộc vận động và các phong trào thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tập trung chỉ đạo thực hiện đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ. Củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập cho trẻ 5 tuổi; thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, công nhận lại đối với các đơn vị đã đạt chuẩn (2 điểm);

b) Tăng tỷ lệ huy động trẻ đến trường, tỷ lệ trẻ được ăn bán trú và tỷ lệ nhóm, lớp học 2 buổi/ngày theo đúng kế hoạch năm học. Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng (cân nặng và chiều cao) so với đầu năm học (3 điểm);

c) Đảm bảo đủ số lượng phòng học, công trình vệ sinh, nước sạch đáp ứng yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ. Nâng cao chất lượng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, phấn đấu mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thêm ít nhất 1% trường chuẩn quốc gia (2 điểm);

d) Đảm bảo chế độ chính sách cho giáo viên mầm non; không có cán bộ quản lý và giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo. Đảm bảo 3 công khai trong các cơ sở giáo dục mầm non; có biện pháp quản lý tốt các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập. Tăng tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (2 điểm);

đ) Thực hiện tốt công tác tuyên truyền và xã hội hóa giáo dục, thu hút nhiều nguồn lực đầu tư cho giáo dục mầm non. Thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin về Bộ đầy đủ, chính xác, kịp thời (1 điểm).

2. Giáo dục Tiểu học

a) Triển khai thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo nhiệm vụ giáo dục tiểu học và kế hoạch thời gian năm học (2 điểm);

b) Chỉ đạo tốt các trường tiểu học trong việc xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường; thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo: đổi mới đánh giá học sinh tiểu học, đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học, tổ chức lớp học, sự tham gia của cha mẹ học sinh với nhà trường, sinh hoạt chuyên môn tổ, trường, cụm trường. Triển khai hiệu quả mô hình trường học mới Việt Nam; dạy học ngoại ngữ; dạy học Tiếng Việt lớp 1 công nghệ giáo dục, phương pháp dạy học "Bàn tay nặn bột"; dạy học Mỹ thuật theo phương pháp mới (3 điểm); văn hóa đọc;

c) Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và xây dựng trường chuẩn quốc gia. Xây dựng các điều kiện để tăng tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày (2 điểm);

d) Đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo, tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 Quy định đánh giá học sinh tiểu học và các hoạt động đổi mới giáo dục khác; chú trọng bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên theo Chuẩn hiệu trưởng, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học. Có biện pháp tích cực nâng cao chất lượng dạy học cho học sinh dân tộc, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật (2 điểm);

đ) Có sáng kiến, chủ động triển khai các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện của địa phương để nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học. Thực hiện báo cáo định kỳ có chất lượng, đúng thời gian, đúng quy định (1 điểm).

3. Giáo dục Trung học

a) Thực hiện chương trình giáo dục: chỉ đạo tốt việc xây dựng Kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh của các cơ sở giáo dục trung học phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng học tập của học sinh; xây dựng các chủ đề dạy học trong mỗi môn học và các chủ đề dạy học tích hợp liên môn; đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học và giáo dục; tích cực triển khai dạy và học ngoại ngữ theo lộ trình của "Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020" (2 điểm);

b) Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá: hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh trong các bài học/chủ đề thể hiện được tiến trình sư phạm của các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực; hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học/chủ đề được khuyến khích tổ chức thực hiện ở trên lớp, ở nhà và cộng đồng; hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học kĩ thuật được tăng cường tổ chức phù hợp với từng đối tượng học sinh; chú trọng đổi mới căn bản phương pháp và hình thức đánh giá học sinh trong quá trình dạy học; chú trọng xây dựng mô hình trường học đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá (2 điểm); văn hóa đọc;

c) Phát triển quy mô trường, lớp: quy mô trường lớp thường xuyên được củng cố và phát triển phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; hệ thống trường chuẩn quốc gia được phát triển về số lượng và chất lượng; phòng học bộ môn, thư viện, thiết bị dạy học, học liệu được sử dụng thường xuyên và có hiệu quả (2 điểm);

d) Công tác phổ cập giáo dục: chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở được duy trì và nâng cao; công tác quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật được thực hiện hiệu quả thông qua sử dụng hệ thống thông tin điện tử (2 điểm);

đ) Công tác quản lý giáo dục: các cơ sở giáo dục trung học được giao quyền chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh; kế hoạch giáo dục của các cơ sở giáo dục trung học được phê duyệt đầy đủ trước khi thực hiện; quá trình thực hiện chương trình giáo dục theo kế hoạch đã phê duyệt được kiểm tra, giám sát và hỗ trợ thường xuyên; tuyển sinh vào lớp 6 và lớp 10 được thực hiện đúng quy định; việc dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường được quản lý tốt; việc sử dụng hồ sơ, sổ sách, các xuất bản phẩm tham khảo trong nhà trường được thực hiện đúng quy định; việc báo cáo thường xuyên và định kì được thực hiện kịp thời và có chất lượng tốt; tích cực tổ chức và quản lý có hiệu quả các hoạt động chuyên môn trên trang mạng "Trường học kết nối"(2 điểm).

4. Giáo dục thường xuyên

a) Triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, các đề án và các cuộc vận động, phong trào thi đua của ngành (2 điểm):

Triển khai có hiệu quả Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020, trong đó có các Đề án thành phần. Tổ chức tốt tuần lễ học tập suốt đời; tuyên truyền, xã hội hóa giáo dục, tăng cường xây dựng xã hội học tập từ cơ sở; có các giải pháp thực hiện hiệu quả Đề án Xóa mù chữ đến năm 2020; tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2013 - 2015;

b) Củng cố và phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên (3 điểm):

Củng cố, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục thường xuyên. Đa dạng hóa nội dung, chương trình giáo dục ở nhiều lĩnh vực nhằm thu hút mọi người tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục thường xuyên; chỉ đạo Trung tâm học tập cộng đồng phối hợp với trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tổ chức tuyên truyền cho cha mẹ học sinh và cộng đồng về chủ trương đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo; hướng dẫn cha mẹ, cộng đồng chăm sóc, giáo dục trẻ nhằm hỗ trợ các nhà trường thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo; văn hóa đọc;

c) Đảm bảo chất lượng giáo dục (2 điểm):

Chú trọng đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực người học; tổ chức hội giảng, hội thi giáo viên dạy giỏi, báo cáo viên giỏi, học viên giỏi; viết và phổ biến sáng kiến kinh nghiệm; tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý; chuyên môn nghiệp vụ cho các giáo viên tại các cơ sở giáo dục thường xuyên;

d) Công tác quản lý, chỉ đạo (2 điểm):

Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động của các cơ sở giáo dục thường xuyên. Có sáng kiến và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục thường xuyên. Giao cho trung tâm giáo dục thường

xuyên tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông; tổ chức và quản lý hiệu quả hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

đ) Thực hiện công tác sơ kết, tổng kết và nộp báo cáo (1 điểm)

Thực hiện chính xác, đầy đủ các thông tin, chế độ báo cáo, thi đua, khen thưởng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Trung cấp chuyên nghiệp

a) Thực hiện tốt việc quản lý, chỉ đạo đối với giáo dục trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn. Thực hiện có hiệu quả chức năng tham mưu, giúp Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh về quy hoạch phát triển giáo dục chuyên nghiệp của địa phương (3 điểm);

b) Có giải pháp cụ thể và tổ chức chỉ đạo các cơ sở đào tạo trung cấp thực hiện hiệu quả các giải pháp phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo trung cấp theo cách tiếp cận năng lực, đặc biệt trong công tác đổi mới chương trình, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, phát triển giáo trình và tài liệu học tập (2 điểm);

c) Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra; kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm hoặc đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm các sai phạm trong đào tạo trung cấp chuyên nghiệp (2 điểm);

d) Có sáng kiến và các giải pháp cụ thể trong việc thực hiện các cuộc vận động, các chủ trương của ngành. Thực hiện tốt việc cải cách thủ tục hành chính, chế độ báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên (1,5 điểm);

đ) Thực hiện hiệu quả việc phối hợp với doanh nghiệp, các tổ chức sử dụng lao động để đào tạo nhân lực đáp ứng nhu cầu thị trường; thực hiện tốt công tác hợp tác quốc tế, tuyển sinh, phân luồng, hướng nghiệp, lập nghiệp cho thanh niên (1,5 điểm).

6. Giáo dục dân tộc

a) Thực hiện phát triển quy mô, mạng lưới trường phổ thông dân tộc nội trú theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BGDĐT ngày 25/8/2008; Thông tư số 06/2009/TT-BGDĐT ngày 31/3/2009 và trường phổ thông dân tộc bán trú theo Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT ngày 02/8/2010 (2 điểm);

b) Chỉ đạo thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục trong trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú. Đảm bảo cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú có chỗ ở an toàn, đủ ăn, đủ mặc, đủ sách học. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, phát triển cả số lượng và chất lượng ở các cấp học. Thực hiện tốt việc bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho giáo viên dạy lớp ghép, giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số (2 điểm);

c) Đảm bảo chất lượng dạy tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số: thực hiện triển khai tốt việc tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số, chỉ đạo dạy học tiếng dân tộc thiểu số theo chương trình và sách giáo khoa của Bộ đã ban hành. Tổ chức dạy tiếng dân tộc thiểu số cho giáo viên ở vùng dân tộc, miền núi theo Chỉ thị số 38/2004/CT- CP ngày 29/11/2004 (2 điểm);

d) Thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với học sinh dân tộc thiểu số, nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục công tác ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi. Tích cực đề xuất, tham gia ý kiến điều chỉnh, bổ sung chế độ chính sách giáo dục dân tộc. Tham mưu ban hành các chính sách của địa phương về giáo dục dân tộc (2 điểm);

đ) Có phòng/ban giáo dục dân tộc hoặc đầu mối quản lý chỉ đạo giáo dục dân tộc. Đảm bảo đáp ứng có chất lượng, kịp thời các văn bản chỉ đạo về giáo dục dân tộc của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2 điểm).

7. Công tác học sinh, sinh viên

a) Thực hiện tốt các quy chế, quy định, văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác học sinh, sinh viên, giáo dục thể chất và y tế trường học; báo cáo đầy đủ, đúng quy định. Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai về công tác học sinh, sinh viên và thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá các cơ sở giáo dục trên địa bàn (2 điểm);

b) Tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, giáo dục kỹ năng sống, tư vấn tâm lý cho học sinh sinh viên; tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục tư tưởng, văn hóa, nghệ thuật, các hội thi văn hóa, văn nghệ cấp khu vực và toàn quốc; thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho cán bộ Đoàn, Hội, Đội trong các nhà trường (2 điểm);

c) Có biện pháp hiệu quả, phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác quản lý học sinh sinh viên ở trong nhà trường và ngoài xã hội nhằm đảm bảo an ninh, trật tự trường học. Tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, tác hại của trò chơi trực tuyến có nội dung bạo lực, không lành mạnh; phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong học sinh sinh viên. Không để xảy ra các vụ việc nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận xã hội liên quan đến vi phạm về đạo đức, lối sống, an ninh, trật tự an toàn xã hội liên quan đến cán bộ, nhà giáo và học sinh sinh viên (2 điểm);

d) Tổ chức thực hiện tốt các quy định về công tác y tế trường học. Thực hiện hiệu quả công tác truyền thông, giáo dục về y tế trường học, công tác bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em và phòng chống HIV/AIDS. Đảm bảo 100% số trường có cán bộ y tế trường học, trong đó 60% là cán bộ chuyên trách có trình độ từ trung cấp y trở lên; 90% số trường học có công trình nước sạch, công trình

vệ sinh hợp vệ sinh; 95% trở lên học sinh tham gia bảo hiểm y tế. Không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh, bệnh tật nghiêm trọng; không có trẻ em, học sinh sinh viên tử vong do tai nạn thương tích trong trường học (2 điểm);

đ) Tổ chức cho học sinh sinh viên được luyện tập thể thao ngoại khóa thường xuyên, có sự hướng dẫn của giáo viên; triển khai thực hiện tốt các tiêu chuẩn rèn luyện thể lực. Tổ chức tốt các giải thể thao cấp trường, huyện, tỉnh; mỗi trường có ít nhất 01 Câu lạc bộ thể thao học sinh sinh viên. Đảm bảo có từ 50% trở lên số trường có công trình thể dục, thể thao (nhà tập, sân tập,…) (2 điểm).

8. Nhiệm vụ Quân sự quốc phòng, Giáo dục quốc phòng và an ninh

a) Hệ thống văn bản quản lý, chỉ đạo nội dung môn học giáo dục quốc phòng và an ninh (bao gồm văn bản hướng dẫn triển khai của các cấp và văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành) (2 điểm);

b) Thực hiện tốt nội dung, chương trình, giáo trình, giáo án, hệ thống sổ sách đăng ký, kế hoạch giảng dạy môn học giáo dục quốc phòng an ninh (3 điểm);

c) Số lượng, chất lượng đội ngũ giáo viên đạt chuẩn. Thực hiện tốt chính sách đối với đội ngũ giáo viên (2 điểm);

d) Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, xây dựng nhà kho chuyên dùng, giảng đường, thao trường, bãi tập…phục vụ môn học giáo dục quốc phòng an ninh, bảo đảm trang phục của giáo viên và học sinh đúng quy định (2 điểm);

đ) Kết quả thực hành giảng dạy của giáo viên, học tập của học sinh đạt kết quả tốt (1 điểm).

9. Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục

a) Công tác kế hoạch: xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục đảm bảo tính thực tiễn và khả thi, đúng chỉ đạo của Bộ (1 điểm);

b) Công tác tổ chức: có phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục phù hợp yêu cầu chức năng, nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt, có đủ kinh phí và cơ sở vật chất để hoạt động (1 điểm);

c) Công tác báo cáo: thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, chính xác, đúng biểu mẫu, đúng cấu trúc và thời gian quy định (1 điểm);

d) Công tác kiểm định chất lượng giáo dục:

Thực hiện đầy đủ, đạt yêu cầu hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục theo hướng dẫn nhiệm vụ năm học (1,5 điểm);

Có ít nhất 98% cơ sở giáo dục hoàn thành tự đánh giá; 25% cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên và 35% trường mầm non được đánh giá ngoài (1,5 điểm);

Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào công tác kiểm định chất lượng giáo dục; công khai kết quả kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định (0,5 điểm);

đ) Công tác khảo thí:

Thực hiện đầy đủ các hoạt động (1 điểm);

Hoàn thành, thực hiện các kỳ thi của đơn vị theo đúng quy chế thi (1 điểm);

Định kỳ tổ chức hội nghị, hội thảo rút kinh nghiệm công tác thi (1 điểm);

Quản lý tốt văn bằng chứng chỉ (0,5 điểm).

10. Ứng dụng công nghệ thông tin

a) Triển khai hệ thống cổng thông tin điện tử, website giáo dục theo hướng dẫn tại Thông tư số 53/2012/TT-BGDĐT ngày 20/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2 điểm);

b) Triển khai hệ thống quản lý trong trường phổ thông với một số yêu cầu căn bản như sau (2 điểm):

Phạm vi: quản lý hồ sơ, quá trình học tập học sinh; quản lý giáo viên, kế hoạch dạy học;

Công nghệ: trực tuyến; nếu có liên lạc qua tin nhắn, thực hiện miễn phí sử dụng công nghệ nhắn tin OTT, hoặc thư điện tử; cơ quan nhà nước làm chủ sở hữu dữ liệu;

c) Triển khai các hoạt động họp trực tuyến, hội thảo trực tuyến, họp phổ biến công tác, giao ban (2 điểm);

Mỗi sở giáo dục và đào tạo tổ chức ít nhất 03 cuộc họp, tập huấn qua mạng (quy mô toàn ngành);

Mỗi phòng giáo dục và đào tạo tổ chức ít nhất 03 cuộc họp, tập huấn qua mạng;

d) Bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý (2 điểm);

Nội dung bám sát nhu cầu thực tiễn, thiết kế chương trình mô đun hóa;

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin bồi dưỡng qua mạng;

đ) Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và chương trình công nghệ giáo dục e-Learning (2 điểm);

Tập huấn phần mềm soạn bài giảng e-Learning;

Tổ chức giáo viên tham gia cuộc thi thiết kế bài giảng e-Learning của Bộ; "Mỗi giáo viên xây dựng ít nhất một bài giảng điện tử e-Learning".

11. Công tác phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên các cơ sở giáo dục

a) Tổ chức thực hiện và rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển nhân lực ngành Giáo dục tại địa phương cho phù hợp với tình hình thực tế (2 điểm);

b) Thực hiện đúng các quy định về sắp xếp, tuyển dụng, sử dụng theo đúng vị trí việc làm và yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trong đó

chú ý bố trí phù hợp và sử dụng hiệu quả đội ngũ nhân viên trong nhà trường (1,5 điểm); có kế hoạch bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp (1,5 điểm);

c) Xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng có hiệu quả đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý mầm non, phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; chú trọng bồi dưỡng phẩm chất và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường các kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông. Có các giải pháp để thực hiện tốt việc bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo các thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành (2 điểm);

d) Nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ đánh giá giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp; Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, phổ thông; Chuẩn giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên và theo các công văn hướng dẫn đánh giá theo Chuẩn đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (1 điểm);

đ) Thực hiện đầy đủ và đúng hạn chế độ thông tin báo cáo về công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và cơ sở dữ liệu PMIS về Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo các quy định về thông tin, báo cáo hiện hành (2 điểm).

12. Công tác thanh tra

a) Xây dựng đội ngũ thanh tra và điều kiện đảm bảo hoạt động thanh tra (có đủ biên chế thanh tra của sở Giáo dục và Đào tạo; bổ nhiệm thanh tra viên, chứng nhận cộng tác viên thanh tra; công tác tập huấn, bồi dưỡng; các điều kiện đảm bảo cho hoạt động thanh tra đúng quy định) (1,5 điểm);

b) Xây dựng kế hoạch thanh tra (xây dựng kế hoạch thanh tra theo định hướng Nghị định số 42/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra giáo dục, Thông tư số 39/2013/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; nội dung thanh tra gắn với yêu cầu thực tiễn quản lý của địa phương và giải quyết những vấn đề xã hội quan tâm) (1,5 điểm);

c) Tổ chức các hoạt động thanh tra (thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành, đột xuất): trình tự, thủ tục tiến hành cuộc thanh tra, công tác phối hợp, kết quả tác động và việc xử lý sau thanh tra, hồ sơ thanh tra theo quy định của pháp luật (4 điểm);

d) Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, phòng chống tham nhũng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2 điểm);

đ) Thực hiện chế độ báo cáo kịp thời, đúng quy định (báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Thanh tra Bộ) (1điểm).

13. Tổ chức cán bộ

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai công tác phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục ở địa phương theo các quy định hiện hành:

Đã tham mưu có kết quả (2 điểm);

Đang triển khai (1 điểm);

Chưa triển khai (0 điểm);

b) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan tham mưu Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố ban hành Quyết định quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 11/2015/TTLT- BGDĐT- BNV ngày 29 tháng 5 năm 2015 (2,5 điểm):

Thực hiện đúng quy định (2,5 điểm);

Thực hiện đúng quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4 (2 điểm);

Thực hiện tốt các nội dung quy định tại: Khoản 7, Khoản 17, Khoản 18, Khoản 19 Điều 2; Điểm d Khoản 2 Điều 3 và Điều 4 (1,5 điểm);

Chưa thực hiện được (0 điểm);

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc theo quy định của pháp luật, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (2 điểm):

Đã được Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (2 điểm);

Xây dựng, trình nhưng chưa được phê duyệt (1 điểm);

Đang triển khai ở cấp phòng và các đơn vị trực thuộc (0,5 điểm);

Chưa triển khai (0 điểm);

d) Thực hiện chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục theo quy định; giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; tham mưu để Ủy ban nhân nhân cấp tỉnh ban hành chính sách đãi ngộ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý (2,5 điểm):

Thực hiện đúng, kịp thời chế độ do Nhà nước quy định và tham mưu đạt yêu cầu nêu trên (2,5 điểm);

Thực hiện đúng nhưng chưa kịp thời (2 điểm);

Chưa tham mưu để Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục (1,5 điểm);

Còn để khiếu nại (nguyên nhân không do văn bản hướng dẫn của cấp trên (0,5 điểm);

đ) Thực hiện nghiêm túc, chính xác, đảm bảo đúng nội dung yêu cầu, đúng thời hạn chế độ báo cáo công tác tổ chức cán bộ theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo (1 điểm).

14. Công tác thống kê, kế hoạch, quản lý tài chính và huy động các nguồn lực xã hội

a) Công tác kế hoạch (2,5 điểm):

Xây dựng báo cáo kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo hàng năm, trung hạn: thực hiện xây dựng báo cáo kế hoạch theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Tài chính; thực hiện quy định chế độ nộp báo cáo kế hoạch; kết quả lập, thực hiện kế hoạch được đánh giá thông qua trao đổi kế hoạch hàng năm với địa phương, tỷ lệ các chỉ tiêu chủ yếu hoàn thành của kỳ kế hoạch, đổi mới công tác lập và thực hiện kế hoạch;

Việc thực hiện chính sách: đánh giá dựa trên kết quả thực hiện các chính sách, chế độ đối với người dạy, người học và nhà trường; tham mưu ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương để thực hiện mục tiêu giáo dục trong năm;

b) Công tác Tài chính (2,5 điểm)

Chấp hành đúng các quy định chính sách pháp luật về phí, lệ phí, không để xảy ra tình trạng lạm thu; thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý tài chính, chế độ báo cáo chương trình mục tiêu giáo dục đào tạo và các dự án ODA; chấp hành đầy đủ, đúng hạn chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất khác;

c) Công tác Thống kê (2,5 điểm)

Thực hiện báo cáo thống kê kịp thời, đầy đủ, chính xác; sử dụng hệ thống EMIS online để xây dựng và khai thác bộ số liệu thống kê giáo dục toàn ngành của địa phương;

d) Công tác xã hội hóa giáo dục (1,5 điểm)

Phát triển quy mô giáo dục ngoài công lập; kết quả huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân cho phát triển giáo dục và đào tạo; sự tham gia của cộng đồng và xã hội;

đ) Thực hiện quy chế công khai theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân (1 điểm).

15. Công tác tăng cường cơ sở vật chất và quy hoạch mạng lưới trường lớp, thiết bị dạy học

a) Công tác xây dựng cơ sở vật chất trường học: kế hoạch và kết quả đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trường mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng: số liệu chi tiết (có so sánh với năm học trước),

bao gồm số trường được đầu tư, các hạng mục công trình, số vốn đã huy động, số phòng học và số hạng mục công trình đầu tư đã đưa vào sử dụng trong năm học, số liệu m2 xây dựng các hạng mục là nhà cửa, phòng học, nhà vệ sinh (2 điểm);

b) Công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển cơ sở vật chất trường học: Hoàn thành công tác quy hoạch và kế hoạch phát triển cơ sở vật chất, kế hoach đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 cho các cơ sở giáo dục và đào tạo (mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, trường trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng) trên địa bàn (cấp tỉnh, huyện, xã) được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hoàn thành việc xây dựng Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông theo đúng hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; trong đó có giải pháp khả thi về huy động nguồn lực thực hiện Đề án, có ưu tiên nguồn lực để hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Chủ động tham mưu với Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh và cấp huyện về thực hiện đảm bảo các nội dung của Tiêu chí số 5 và Tiêu chí số 14 (về lĩnh vực giáo dục) của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới năm 2016 và giai đoạn 2016 - 2020 (2 điểm);

c) Công tác thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em: có kế hoạch và thực hiện việc tu sửa, mua sắm, bổ sung thiết bị dạy học, cung ứng sách giáo khoa và vật tư tiêu hao bảo đảm phục vụ dạy học theo quy định; bố trí đủ viên chức (kể cả kiêm nhiệm) làm công tác thư viện và thiết bị dạy học; có kế hoạch và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, viên chức về công tác thiết bị dạy học: bao gồm số đợt tập huấn, số người đã được tập huấn theo từng cấp học; gắn liền công tác đánh giá giáo viên với công tác khai thác, sử dụng thiết bị dạy học; kết quả cụ thể về đầu tư, mua sắm thiết bị dạy học và đồ chơi trẻ em của giáo dục phổ thông và giáo dục mầm non; kết quả tự làm thiết bị dạy học, bố trí đủ kinh phí đầu tư, mua sắm, sửa chữa thiết bị dạy học và tự làm thiết bị dạy học, cải tiến thiết bị dạy học; tỷ lệ % số tiền từ ngân sách chi cho mua sách và thiết bị trường học so với kinh phí chi thường xuyên của sự nghiệp giáo dục; có số liệu so sánh với năm học trước về số trường có thư viện đạt chuẩn (2 điểm);

d) Tăng cường hợp tác quốc tế, triển khai có hiệu qủa các dự án ODA về giáo dục và đào tạo, thu hút các nguồn tài trợ, các dự án vay nước ngoài để phát triển cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (1 điểm);

đ) Lập và gửi đầy đủ, đúng kỳ hạn các báo cáo theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (3 điểm).

16. Công tác pháp chế

a) Kiện toàn tổ chức pháp chế: thành lập Phòng pháp chế (1 điểm); bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm thực hiện công tác pháp chế (0,5 điểm); tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác pháp chế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức (0,5 điểm);

b) Công tác xây dựng pháp luật: tham mưu, phối hợp lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh (0,5 điểm); chuẩn bị hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực giáo dục ở địa phương trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh ký, ban hành (0,5 điểm); soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật theo sự phân công; có ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các đơn vị khác soạn thảo (1 điểm);

c) Công tác kiểm tra, xử lý; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giúp Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục ở địa phương và văn bản hành chính do mình ban hành có chứa quy phạm pháp luật (0,5 điểm); phối hợp sở tư pháp thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục do Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh ban hành; báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục (1 điểm);

d) Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật: lồng ghép việc triển khai, tuyên truyền Nghị quyết số 29-NQ/TW, Nghị quyết số 44/NQ-CP, Quyết định số 2653/QĐ-BGDĐT và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục; tổ chức phổ biến kịp thời, thường xuyên các quy định pháp luật về giáo dục (1 điểm); tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ giáo viên môn pháp luật, môn giáo dục công dân, báo cáo viên và cán bộ phụ trách công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (0,5 điểm); bổ sung tủ sách pháp luật và các phương tiện, thiết bị, tài liệu, học liệu hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (0,5 điểm); xây dựng trang thông tin phổ biến, giáo dục trên trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục (0,5 điểm);

đ) Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, kiểm tra việc thực hiện pháp luật, bồi thường nhà nước và cải cách thủ tục hành chính: thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực giáo dục ở địa phương và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc kiểm tra, xử lý việc chấp hành pháp luật về giáo dục của các cơ sở giáo dục trên địa bàn; báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra việc thực hiện pháp luật (1 điểm); theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc giải quyết bồi thường nhà nước (0,5 điểm); tổ chức thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo kế hoạch hoặc theo sự chỉ đạo của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh (0,5 điểm).

17. Thực hiện các cuộc vận động và công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương

a) Tham mưu với cấp uỷ, chính quyền địa phương có chương trình, kế hoạch tiếp tục triển khai học tập và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (1 điểm);

Triển khai thực hiện thường xuyên và có hiệu quả việc "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" và "Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo" phù hợp với điều kiện thực tế (1 điểm);

b) Tích cực triển khai đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; đổi mới và tổ chức tốt công tác thi, kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục; tổ chức tốt các kỳ thi theo quy định của ngành, trong đó trọng tâm là kỳ thi Trung học phổ thông Quốc gia năm 2016 (1 điểm);

Có giải pháp thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch đổi mới của ngành, góp phần ngăn chặn hiện tượng vi phạm đạo đức nhà giáo, dạy thêm, thu góp thêm trái quy định và giải quyết những hạn chế trong đơn vị (1 điểm);

c) Tham mưu với cấp uỷ, chính quyền địa phương có kế hoạch, giải pháp thực hiện tốt nhiệm vụ "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực"; xây dựng cơ quan, đơn vị trường học đạt chuẩn văn hoá (1 điểm);

Tích cực đẩy mạnh việc thực hiện các cuộc vận động "Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm", "Quyên góp hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn" và các cuộc vận động, phong trào thi đua khác của ngành (1 điểm);

d) Tham mưu với cấp uỷ, chính quyền địa phương thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với nhà giáo, người lao động và cán bộ công đoàn; ban hành các chế độ, chính sách của địa phương hỗ trợ giáo dục và đội ngũ nhà giáo, người lao động (1 điểm);

Có giải pháp quan tâm chăm lo đời sống của đội ngũ nhà giáo, ổn định hoạt động giáo dục, hạn chế học sinh bỏ học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo (1 điểm);

đ) Phát động, triển khai tổ chức phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Công đoàn Giáo dục Việt Nam thiết thực hiệu quả (1,5 điểm);

Phát hiện bồi dưỡng, tổ chức tôn vinh, khen thưởng, nhân rộng những tấm gương điển hình tiên tiến xuất sắc, gương người tốt, việc tốt (0,5 điểm).

18. Công tác văn phòng

a) Báo cáo đầy đủ, kịp thời theo quy định (báo cáo tháng, sơ kết, tổng kết, đột xuất, nộp hồ sơ thi tốt nghiệp trung học phổ thông …) (2 điểm);

b) Tham mưu với các cấp quản lý kịp thời, đầy đủ, hiệu quả. Phối kết hợp với các đơn vị trong và ngoài ngành thực hiện nhiệm vụ được giao (2 điểm);

c) Tổ chức các hoạt động Văn phòng theo kế hoạch, nội dung phong phú (2 điểm);

d) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn phòng. Chuyển, nhận văn bản đi, đến, đầy đủ, kịp thời (2 điểm);

đ) Tổ chức tuyên truyền và làm tốt công tác truyền thông cho các hoạt động của Văn phòng, Sở, ngành Giáo dục ở địa phương (2 điểm).

19. Công tác thi đua, khen thưởng

a) Tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ năm học (xây dựng tiêu chí cụ thể) báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo qua Vụ Thi đua - Khen thưởng (1 điểm);

b) Thực hiện tốt công tác phát hiện, xây dựng, tuyên truyền và nhân rộng điển hình tiên tiến (2 điểm);

c) Triển khai và thực hiện đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng; xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; chủ động phát hiện, đề xuất các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng kịp thời, chính xác; đề nghị khen thưởng đúng tỷ lệ quy định; chú trọng khen thưởng giáo viên trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy, người lao động, các nhà giáo là nữ, nhà giáo công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không để xảy ra khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng (4 điểm);

d) Tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng cho các đơn vị cơ sở; thục hiện chế độ báo cáo có chất lượng, đúng thời hạn, đúng quy định (2 điểm);

đ) Hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện đúng mẫu quy định (1 điểm).

IV. Tổ chức thực hiện

1. Chia vùng thi đua

a) Năm học 2015-2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục chia các Sở Giáo dục và Đào tạo thành 7 vùng thi đua như năm học 2014 - 2015.

b) Nhiệm vụ của các vùng thi đua

Cụ thể hóa các tiêu chí thi đua của Bộ; tổ chức ký kết giao ước thi đua, đăng ký khen thưởng gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 15/01/2016; tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo quy định.

2. Nhiệm vụ của các Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Có trách nhiệm cụ thể hóa các tiêu chí thi đua của Bộ; tổ chức phát động phong trào thi đua phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu phát triển giáo dục của địa phương để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học;

b) xây dựng tiêu chuẩn khen thưởng đối với các tập thể và cá nhân trong phong trào thi đua của địa phương gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 15/01/2016 (lưu ý không lấy danh hiệu thi đua làm tiêu chuẩn xét khen thưởng cho cá nhân).

c) Tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá bình xét thi đua, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo khen thưởng vào dịp tổng kết năm học, gửi về Bộ Giáo dục Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 15/8/2016.

3. Nhiệm vụ các đơn vị chức năng thuộc Bộ được giao chủ trì đánh giá các lĩnh vực công tác của các Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Xây dựng nội dung đánh giá theo nguyên tắc: mỗi lĩnh vực công tác có 5 tiêu chí với tổng số điểm là 10, trong đó có ghi nhận mức độ tiến bộ so với năm học trước của các sở;

b) Hướng dẫn, kiểm tra các Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc tổ chức thực hiện nội dung lĩnh vực công tác do đơn vị được giao chủ trì đánh giá;

c) Đánh giá, chấm điểm các Sở Giáo dục và Đào tạo, lựa chọn đề xuất các Sở Giáo dục và Đào tạo hoàn thành xuất sắc lĩnh vực công tác, gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua- Khen thưởng Bộ đúng quy định;

4. Quy định chỉ tiêu lĩnh vực công tác được đánh giá hoàn thành xuất sắc trong các vùng như sau:

Vùng 1 (15 sở)	6 Sở Giáo dục và Đào tạo
Vùng 2 (8 sở)	3 Sở Giáo dục và Đào tạo
Vùng 3 (06 sở)	2 Sở Giáo dục và Đào tạo
Vùng 4 (10 sở)	4 Sở Giáo dục và Đào tạo
Vùng 5 (07 sở)	3 Sở Giáo dục và Đào tạo
Vùng 6 (12 sở)	5 Sở Giáo dục và Đào tạo
Vùng 7 (05 sở)	3 Sở Giáo dục và Đào tạo

V. Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ

1. Tập hợp kết quả phong trào thi đua của các vùng thi đua, các Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Tổng hợp điểm do các đơn vị chức năng thuộc Bộ được giao chủ trì đánh giá, lựa chọn số sở hoàn thành xuất sắc đúng chỉ tiêu quy định.

3. Tổ chức họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ. Căn cứ vào kết quả đánh giá, chấm điểm của các đơn vị chức năng thuộc Bộ, Hội đồng thảo luận, quyết định số lượng Sở Giáo dục và Đào tạo tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu phong

trào thi đua năm học đưa vào danh sách bỏ phiếu đề nghị tặng Cờ thi đua của Bộ hoặc tặng Bằng khen của Bộ trưởng.

4. Trình Bộ trưởng quyết định kết quả xét thi đua, khen thưởng; hoàn chỉnh thủ tục hồ sơ khen thưởng.

VI. Quy định thời gian nộp báo cáo và xét khen thưởng

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
1.	Các vùng thi đua nộp đăng ký thi đua (kèm theo tiêu chí) về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ (qua Vụ TĐKT) và các đơn vị chức năng thuộc Bộ được giao chủ trì đánh giá và gửi bản Email theo địa chỉ vutdkt@moet.edu.vn.	Trước ngày 15/01/2016
2.	Các Sở Giáo dục và Đào tạo gửi báo cáo kết quả thực hiện các lĩnh vực công tác về Vụ Thi đua - Khen thưởng và gửi Email theo địa chỉ vutdkt@moet.edu.vn; gửi báo cáo kết quả thực hiện lĩnh vực công tác về các đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì đánh giá chấm điểm.	Trước ngày 15/6/2016
3.	Các đơn vị chức năng thuộc Bộ được giao chủ trì đánh giá chấm điểm các Sở Giáo dục và Đào tạo và gửi kết quả về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ.	Trước ngày 25/6/2016
4.	Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ tổng hợp kết quả đánh giá cho điểm của các đơn vị chức năng thuộc Bộ.	Trước ngày 30/6/2016
5.	Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ báo cáo kết quả tổng hợp và xin ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.	Trước ngày 02/7/2016
6.	Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ họp bỏ phiếu đề nghị tặng Bằng khen, tặng Cờ thi đua của Bộ.	Trước ngày 06/7/2016
7.	Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ hoàn tất các thủ tục khen thưởng.	Trước ngày 10/7/2016

Một số điểm chú ý: không xét khen thưởng hoặc hạ một bậc khen thưởng đối với các Sở Giáo dục và Đào tạo có vấn đề nổi cộm làm ảnh hưởng đến uy tín của đơn vị, của ngành như: vi phạm quy chế thi, tuyển sinh, thu góp, dạy thêm, học thêm; vi phạm đạo đức nhà giáo, đạo đức người học;

Ưu tiên xét khen thưởng đối với người trực tiếp lao động, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó

khăn, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục là nữ, các Sở Giáo dục và Đào tạo có thành tích đặc biệt tiêu biểu xuất sắc, có sự vươn lên so với năm học trước trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học;

Trên đây là kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua, xét khen thưởng năm học 2015 - 2016 khối các Sở Giáo dục và Đào tạo. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Sở Giáo dục và Đào tạo phản ánh kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) để xem xét giải quyết.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(đã ký)

Phạm Mạnh Hùng

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND các tỉnh, thành phố (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Ban TĐKTTW;
- Các Thứ trưởng;
- Công đoàn GDVN;
- Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, TĐKT (110).

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 35 /2015/TT-BGDĐT	

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ
Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục bao gồm: đối tượng thi đua, khen thưởng; tổ chức phát động phong trào thi đua; danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; hình thức khen thưởng và tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định, tuyến trình, thủ tục đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và tổ chức trao tặng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Hội đồng sáng kiến; quỹ thi đua, khen thưởng.

2. Công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Nghị định số 42/2010/NĐ-CP); Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Nghị định số 39/2012/NĐ-CP); Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 (sau đây gọi chung là Nghị định số 65/2014/NĐ-CP); Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 (sau đây gọi chung là Thông tư số 07/2014/TT-BNV) và các quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua gồm:

a) Các Vụ, Cục, Thanh tra, Văn phòng, Cơ quan đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là các đơn vị thuộc Bộ);

b) Các cơ sở giáo dục, các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi chung là các đơn vị trực thuộc Bộ);

c) Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên;

d) Các Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo;

đ) Trường trung cấp, trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là trường thuộc Bộ); các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập; trường trung cấp, trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

e) Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

g) Các khoa, phòng, ban và các tổ chức tương đương trực thuộc các đơn vị quy định tại các Điểm b, Điểm d, Điểm đ, Điểm e của Khoản này;

h) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bao gồm cả người đang trong thời gian tập sự, hợp đồng từ 01 năm trở lên làm việc tại các cơ quan, đơn vị quy định tại các Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm đ, Điểm e Khoản này;

i) Học sinh, sinh viên đang học tập tại các cơ sở giáo dục.

2. Đối tượng khen thưởng gồm:

a) Đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Tổ chức, cá nhân không thuộc ngành Giáo dục; tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức, cá nhân người nước ngoài có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển giáo dục và đào tạo.

Điều 3. Nguyên tắc bình xét thi đua, khen thưởng

1. Việc xét khen thưởng được tiến hành khi tổng kết năm công tác hoặc năm học, tổng kết các cuộc vận động, thi đua theo chuyên đề hoặc khi phát hiện gương người tốt, việc tốt.

2. Các cuộc họp xét danh hiệu thi đua, khen thưởng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hoặc thành viên của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị tham dự.

3. Danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Tập thể lao động xuất sắc", "Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo", "Cờ thi đua của Chính phủ", Bằng khen Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các hạng phải đạt từ 70% số phiếu đồng ý trở lên tính trên tổng số người tham gia họp hoặc được xin ý kiến.

4. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước phải được các thành viên của Hội đồng bỏ phiếu kín và đạt từ 90% số phiếu đồng ý trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng cấp đó (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng phối hợp với người đứng đầu đơn vị thuộc Bộ, tham mưu đề xuất với Bộ trưởng về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức, phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong ngành Giáo dục; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các phong trào

thi đua, công tác khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong ngành; giúp Hội đồng thẩm định hồ sơ thi đua, xét tặng khen thưởng, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, trình Bộ trưởng xét, tặng theo thẩm quyền hoặc trình Bộ trưởng để Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Người đứng đầu các đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Giám đốc Đại học Quốc gia, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, người đứng đầu các cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức đoàn thể cùng cấp cụ thể hóa nội dung, chỉ tiêu, biện pháp tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

3. Các cơ quan thông tin, báo chí, xuất bản thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền công tác thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong các phong trào thi đua; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Đơn vị, cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị lên cấp trên.

Điều 5. Khối, vùng thi đua

1. Căn cứ vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, phạm vi hoạt động của các đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Đại học Quốc gia, các cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ và cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập, Bộ trưởng quyết định thành lập các khối thi đua.

2. Căn cứ đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, Bộ trưởng quyết định thành lập các vùng thi đua đối với các Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Trưởng khối, trưởng vùng thi đua chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về hoạt động của khối, vùng thi đua.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của khối, vùng thi đua:

a) Tổ chức thực hiện phong trào thi đua do Bộ phát động; cụ thể các chỉ tiêu, nội dung, biện pháp xây dựng phong trào thi đua trong khối, vùng thi đua;

b) Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, trao đổi học tập, chia sẻ kinh nghiệm, xây dựng các mô hình mới, điển hình tiên tiến trong khối, vùng thi đua;

c) Đánh giá, xếp hạng trong khối, vùng thi đua để Bộ trưởng xét, quyết định tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", Cờ thi đua cấp Bộ, Bằng khen Bộ trưởng theo hướng dẫn hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

CHƯƠNG II
TỔ CHỨC PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO THI ĐUA; DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 6. Hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua

Hình thức và nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 7. Đăng ký thi đua, ký giao ước thi đua

1. Người đứng đầu đơn vị quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm e Khoản 1 Điều 2 Thông tư này tổ chức cho cá nhân, đơn vị thuộc quyền quản lý đăng ký thi đua và gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 30 tháng 10 hàng năm đối với các đơn vị xét thi đua theo năm học, trước ngày 31 tháng 01 hàng năm đối với các đơn vị xét thi đua theo năm công tác.

2. Căn cứ vào nội dung phong trào thi đua do Bộ trưởng phát động, các khối, vùng thi đua tổ chức ký giao ước thi đua và gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) theo quy định.

Điều 8. Các danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân gồm: "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc".

2. Đối với đơn vị gồm: "Tập thể lao động tiên tiến", "Tập thể lao động xuất sắc", "Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo ", "Cờ thi đua của Chính phủ".

3. Các danh hiệu thi đua được xét tặng hàng năm vào thời điểm kết thúc năm học hoặc năm công tác.

Điều 9. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

Danh hiệu "Lao động tiên tiến" được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

Điều 10. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

2. Cá nhân đạt một trong các thành tích quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư này hoặc đạt một trong các thành tích sau được tính là sáng kiến áp dụng xét, công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở":

a) Giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện trở lên; giáo viên trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên;

b) Giáo viên trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng được 01 học sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi cấp tỉnh. Riêng giáo viên công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các huyện nghèo được áp dụng hưởng chính sách như quy định đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có học sinh đạt giải trong các kỳ thi cấp huyện trở lên;

c) Giáo viên, giảng viên là tác giả chính bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế;

d) Công chức, viên chức và người lao động tham gia soạn thảo đề án, dự án, quy chế của đơn vị đã được ban hành theo quyết định phân công của người có thẩm quyền;

3. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này và đơn vị do cá nhân quản lý phải đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến".

4. Tỷ lệ "Chiến sĩ thi đua cơ sở" không quá 15 % số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" của đơn vị, trong đó bảo đảm không quá 1/3 là cán bộ quản lý, nếu có số dư thì được làm tròn lên.

Điều 11. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ" được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 14 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

2. Một số thành tích được tính là sáng kiến áp dụng khi xét, công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Bộ:

a) Tham gia soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành theo quyết định phân công của người có thẩm quyền;

b) Giáo viên, giảng viên trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng được 01 học sinh, sinh viên đạt một trong các giải nhất, nhì, ba hoặc Huy chương Vàng, Bạc, Đồng trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế;

c) Tham gia biên soạn chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đã được nghiệm thu;

d) Giáo viên, giảng viên đạt giải nhất, nhì, ba trong các hội thi do cấp tỉnh, Bộ tổ chức.

Điều 12. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"

Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 13. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến"

Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" được xét tặng cho đơn vị đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 17 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 14. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"

Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" được xét tặng cho đơn vị đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 6 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 15. Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo xét tặng cho các đối tượng quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm đ, Điểm e, Điểm g Khoản 1 Điều 2 Thông tư này đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Việc tặng Cờ thi đua của Bộ cho đơn vị tiêu biểu xuất sắc được thực hiện thông qua đánh giá, bình xét, suy tôn trong khối, vùng thi đua. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định cụ thể số lượng Cờ tặng cho đơn vị trong khối, vùng thi đua.

3. Kết thúc năm học, năm công tác, các đơn vị trực thuộc Bộ, các đơn vị trực thuộc đại học vùng, các đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia lựa chọn 01 đơn vị dẫn đầu, tiêu biểu xuất sắc trong số các khoa, phòng, ban và các tổ chức tương đương đề nghị Bộ xét tặng Cờ thi đua. Đối với các đơn vị có từ 20 khoa, phòng, ban và tương đương trở lên được đề nghị 02 đơn vị.

4. Kết thúc năm học, Sở Giáo dục và Đào tạo lựa chọn 01 đơn vị dẫn đầu, tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua "Dạy tốt - Học tốt" của mỗi cấp học và trình độ đào tạo, 01 phòng giáo dục và đào tạo để đề nghị Bộ xét, tặng Cờ thi đua.

Điều 16. "Cờ thi đua của Chính phủ"

Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" được xét tặng cho đơn vị đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 6 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

CHƯƠNG III

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 17. Các hình thức khen thưởng

1. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Huân chương: "Huân chương Sao vàng"; "Huân chương Hồ Chí Minh"; "Huân chương Độc lập" hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; "Huân chương Lao động" hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; "Huân chương Dũng cảm", "Huân chương Hữu nghị";

b) Danh hiệu vinh dự nhà nước: "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân"; "Anh hùng Lao động"; "Nhà giáo Nhân dân", "Nhà giáo Ưu tú";

c) Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước;

d) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các hình thức khen thưởng của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Bằng khen Bộ trưởng, Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục".

Điều 18. Tiêu chuẩn xét tặng "Huân chương Sao vàng"

Huân chương Sao vàng để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Điều 7 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP, Điều 13 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 19. Tiêu chuẩn xét tặng "Huân chương Hồ Chí Minh"

Huân chương Hồ Chí Minh để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Điều 8 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP, Điều 13 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 20. Tiêu chuẩn xét tặng "Huân chương Độc lập"

1. "Huân chương Độc lập" hạng nhất để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 9 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

2. "Huân chương Độc lập" hạng nhì để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

3. "Huân chương Độc lập" hạng ba để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 11 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

Điều 21. Tiêu chuẩn xét tặng "Huân chương Lao động"

1. "Huân chương Lao động" gồm:

a) "Huân chương Lao động" hạng nhất để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định Điều 15 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP;

b) "Huân chương Lao động" hạng nhì để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định Điều 16 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP;

c) "Huân chương Lao động" hạng ba để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 17 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

2. Thành tích xuất sắc đột xuất và công trình, sáng kiến đặc biệt xuất sắc quy định tại Điểm a Khoản 1 các Điều 15, Điều 16, Điều 17 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP cụ thể như sau:

a) Thành tích xuất sắc đột xuất là một trong các thành tích sau:

Mưu trí, dũng cảm cứu người, tài sản của Nhà nước và của nhân dân; phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, địch họa hoặc có thành tích đột xuất khác có phạm vi ảnh hưởng toàn quốc, khu vực, tỉnh, thành phố, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ nơi xảy ra vụ việc.

b) Phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc có công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cụ thể như sau:

Phát minh, sáng chế hoặc chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp tỉnh, Bộ được nghiệm thu đạt loại xuất sắc, đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao hoặc góp phần quan trọng giải quyết các vấn đề về lý luận, thực tiễn của đất nước, của ngành, lĩnh vực, địa phương được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về ngành, lĩnh vực đó thẩm định, xác nhận;

c) Nhà giáo có thành tích đặc biệt xuất sắc trong giảng dạy, bồi dưỡng học sinh, sinh viên đoạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng trong các kỳ thi quốc tế;

d) Có nghĩa cử cao đẹp, dũng cảm đấu tranh với những hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội có tác dụng nêu gương trong toàn quốc được xã hội ghi nhận và tôn vinh.

3. Việc đánh giá thành tích xuất sắc đột xuất và hiệu quả của phát minh, sáng chế, sáng kiến quy định tại Khoản 2 Điều này do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở chịu trách nhiệm thẩm định, đề xuất; Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương Lao động các hạng.

Điều 22. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu Anh hùng Lao động

Danh hiệu Anh hùng Lao động để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 61 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 23. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Nhà giáo Nhân dân", "Nhà giáo Ưu tú"

Danh hiệu "Nhà giáo Nhân dân", "Nhà giáo Ưu tú" để tặng cho các nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đạt tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nhà giáo Nhân dân", "Nhà giáo Ưu tú".

Điều 24. "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước"

"Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước" để xét tặng cho tác giả của một hoặc nhiều tác phẩm, công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, giáo dục và văn học nghệ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 46, Điều 47 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và các quy định của pháp luật.

Điều 25. Tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

1. Thực hiện tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

2. Đơn vị, cá nhân lập được thành tích quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản 2 Điều 21 Thông tư này được xem xét, đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở chịu trách nhiệm thẩm định, đề xuất. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 26. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen Bộ trưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích cho các đơn vị, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch hàng năm hoặc nhiều năm.

a) Đối tượng

Đơn vị, cá nhân quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm e; các khoa, phòng, ban và tổ chức tương đương trực thuộc các đơn vị quy định tại Điểm b, Điểm e Khoản 1 Điều 2 Thông tư này;

b) Tiêu chuẩn

Đơn vị có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền công nhận là "Tập thể lao động xuất sắc";

Cá nhân có 02 năm liên tục được người đứng đầu đơn vị đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở;

2. Khen thưởng chuyên đề cho đơn vị, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc thực hiện một đợt thi đua hoặc chuyên đề công tác do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng phát động.

a) Đối tượng

Đơn vị, cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư này;

b) Tiêu chuẩn

Đơn vị tiêu biểu xuất sắc nhất được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ phát động. Cá nhân có thành tích xuất sắc nhất được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ phát động hoặc đoạt giải nhất, Huy chương Vàng tại các cuộc thi cấp quốc gia; đoạt giải nhất, nhì, ba, hoặc Huy chương Vàng, Bạc, Đồng trong các cuộc thi quốc tế.

3. Khen thưởng đột xuất cho các đơn vị, cá nhân khi đạt được thành tích đột xuất, dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân và của nhà nước. Thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân đảm nhận.

4. Khen thưởng đối ngoại cho các tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức, cá nhân người nước ngoài có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển giáo dục và đào tạo.

5. Cá nhân thuộc các đơn vị quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm e Khoản 1 Điều 2 Thông tư này, trước khi nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và 05 năm trước đó chưa được tặng Bằng khen Bộ trưởng được Bộ trưởng xét, quyết định tặng Bằng khen.

6. Đơn vị, cá nhân quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm đ, Điểm e, Khoản 1 Điều 2 Thông tư này và các khoa, viện, trung tâm, bộ môn trực thuộc các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng được Bộ trưởng xét, quyết định tặng Bằng khen vào dịp kỷ niệm ngày thành lập của đơn vị (năm tròn, năm lẻ 05). Tiêu chuẩn và số lượng quy định như sau:

Đơn vị có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển từ 10 năm trở lên. Các Sở Giáo dục và Đào tạo được đề nghị không quá 05 đơn vị/năm;

Cá nhân có thời gian công tác tại đơn vị từ 05 năm trở lên; có thành tích xuất sắc đóng góp cho quá trình xây dựng và phát triển đơn vị; số lượng đề nghị không quá 05 cá nhân/đơn vị, các đơn vị trực thuộc Bộ đề nghị không quá 10 cá nhân/đơn vị, trong đó có ít nhất 03 giáo viên, giảng viên, người lao động.

7. Các trường hợp khác do Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 27. Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục"

Việc xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục" thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 29 tháng 8 năm 2005 về việc ban hành Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục" và Quyết định số 27/2005/QĐ-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 29 tháng 8 năm 2005 về việc ban hành Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục" và các quy định sau:

1. Cá nhân có thời gian công tác trong ngành Giáo dục đủ 25 năm trở lên đối với nam và đủ 20 năm trở lên đối với nữ, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Cá nhân đang công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các huyện nghèo được áp dụng hưởng chính sách như quy định đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được xét tặng sớm hơn thời gian quy định tại Khoản 1 Điều này là 05 năm.

3. Cá nhân có đủ điều kiện quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này nhưng bị kỷ luật từ hình thức khiển trách đến dưới hình thức kỷ luật buộc thôi việc chỉ được xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục" tính từ thời điểm xóa kỷ luật. Thời gian thi hành kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục".

CHƯƠNG IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TUYẾN TRÌNH, THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ TỔ CHỨC TRAO TẶNG

Điều 28. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 77, Điều 78 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định:

a) Tặng Cờ thi đua cho đơn vị có thành tích tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu trong các phong trào thi đua do Bộ phát động;

b) Công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ" cho cá nhân quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm e và danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" cho đơn vị quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 2 Thông tư này, danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ thi đua cơ sở" cho các đơn vị thuộc Bộ không có con dấu, tài khoản riêng;

c) Công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" cho các đơn vị trực thuộc Đại học vùng, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam;

d) Tặng Bằng khen cho các đơn vị, cá nhân trong và ngoài ngành Giáo dục;

đ) Tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục" cho cá nhân trong và ngoài ngành Giáo dục;

3. Giám đốc Đại học vùng, Tổng Giám đốc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xét, công nhận "Tập thể lao động xuất sắc" các đơn vị thuộc quyền quản lý, không bao gồm các đơn vị quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này.

4. Người đứng đầu đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ có con dấu, tài khoản riêng được quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ thi đua cơ sở" cho đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý. Việc tặng Giấy khen của người đứng đầu đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

Điều 29. Tuyến trình khen thưởng:

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trình cấp có thẩm quyền (qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho các đơn vị, cá nhân thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Đại học Quốc gia; hiệp y khen thưởng cho đơn vị, cá nhân theo đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

2. Người đứng đầu đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Đại học Quốc gia trình Bộ trưởng (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) xét tặng danh hiệu thi đua, quyết định hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Bộ trưởng hoặc để Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước.

3. Người đứng đầu cơ sở giáo dục quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 2 Thông tư này trước khi trình Bộ trưởng xét tặng Bằng khen cho đơn vị, cá nhân phải có ý kiến đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ.

4. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo trình Bộ trưởng xét tặng:

a) Bằng khen của Bộ trưởng, Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho đơn vị và cá nhân thuộc Sở theo quy định tại Thông tư này;

b) Kỷ niệm chương " Vì sự nghiệp giáo dục".

5. Người đứng đầu đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Đại học Quốc gia trình Bộ trưởng xét, quyết định khen thưởng hoặc để Bộ trưởng xét, trình cấp có thẩm quyền khen thưởng quá trình cống hiến đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo cho cá nhân đủ điều kiện thuộc quyền quản lý.

6. Đối với đơn vị, tổ chức và cá nhân không thuộc ngành Giáo dục:

a) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo trước khi trình Bộ trưởng (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) xét, quyết định khen thưởng đối với đơn vị, cá nhân của địa phương phải có ý kiến đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Người đứng đầu các Bộ đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) xét, quyết định khen thưởng đối với đơn vị, cá nhân thuộc Bộ quản lý;

c) Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng trình Bộ trưởng xét, quyết định khen thưởng cho đơn vị, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài và đơn vị, cá nhân người nước ngoài có thành tích tiêu biểu xuất sắc đóng góp phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo sau khi đã xin ý kiến của Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và các đơn vị có liên quan.

Điều 30. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ của đơn vị, cá nhân đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP.

2. Quy định số lượng hồ sơ nộp về Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp nhà nước: 04 bộ;

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng: 01 bộ.

3. Thời gian tiếp nhận hồ sơ

a) Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Bộ gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 30 tháng 8 hàng năm đối với đơn vị xét thi đua theo năm học và trước ngày 30 tháng 01 hàng năm đối với đơn vị xét thi đua theo năm công tác;

b) Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 15 tháng 10 hàng năm đối với đơn vị xét thi đua theo năm học và trước ngày 28 tháng 02 hàng năm đối với đơn vị xét thi đua theo năm công tác;

c) Hồ sơ khen thưởng đột xuất: ngay sau khi đơn vị, cá nhân lập được thành tích, người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm trình Bộ trưởng xét, quyết định khen thưởng hoặc để Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét, quyết định khen thưởng.

4. Thời gian thẩm định hồ sơ

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định

Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Bộ: 15 ngày làm việc;

Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước: 30 ngày làm việc;

b) Trường hợp hồ sơ không đúng quy định

Sau 07 ngày làm việc, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo tới đơn vị trình. Chậm nhất sau 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ, đơn vị có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng).

Điều 31. Quy trình xét khen thưởng

1. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Bộ

Sau khi nhận đủ hồ sơ, Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, tổng hợp trình Bộ trưởng xét, quyết định công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", Cờ thi đua cấp Bộ, "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ", Bằng khen Bộ trưởng; trình Bộ trưởng xét, tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục".

2. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước

a) Sau khi nhận đủ hồ sơ, Vụ Thi đua - Khen thưởng kiểm tra hồ sơ, thẩm định thành tích, trình xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng trước khi báo cáo xin ý kiến Hội đồng hoặc Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ; hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ trưởng để Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền (qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) xét, quyết định khen thưởng;

b) Ban cán sự Đảng Bộ xem xét, cho ý kiến đối với hình thức khen thưởng "Huân chương Sao Vàng", "Huân chương Hồ Chí Minh", "Huân chương Độc lập", Danh hiệu vinh dự Nhà nước, "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" trước khi Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét, quyết định khen thưởng.

Điều 32. Tổ chức trao tặng

Tổ chức trao tặng và đón nhận Danh hiệu vinh dự nhà nước, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương, Huy chương, "Cờ thi đua của Chính phủ", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.

Điều 33. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Việc lưu trữ hồ sơ khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Chương V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

Điều 34. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Bộ trưởng quyết định thành lập Hội đồng.

2. Thành phần Hội đồng thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 28 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Quyết định của Bộ trưởng về việc thành lập Hội đồng, Quy chế làm việc của Hội đồng do Bộ trưởng ban hành.

Điều 35. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Đại học Quốc gia

1. Người đứng đầu đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Đại học Quốc gia có con dấu, tài khoản riêng quyết định thành lập Hội đồng.

2. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch: Người đứng đầu đơn vị;

b) Phó Chủ tịch: Cấp phó của người đứng đầu, Chủ tịch Công đoàn đơn vị;

c) Ủy viên: Đại diện cấp ủy Đảng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trưởng các bộ phận chuyên môn; trưởng bộ phận thi đua, khen thưởng hoặc người được giao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị là ủy viên thường trực kiêm thư ký Hội đồng.

3. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và biểu quyết theo đa số. Trường hợp ý kiến các thành viên Hội đồng ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là quyết định;

b) Tổ chức, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác thi đua, khen thưởng và tổ chức phong trào thi đua trong đơn vị;

c) Định kỳ đánh giá phong trào thi đua, công tác khen thưởng của đơn vị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua trong từng năm và từng giai đoạn;

d) Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và khen thưởng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

đ) Xét chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, yêu nước đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xét, quyết định công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc để Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét, quyết định khen thưởng;

Điều 36. Hội đồng sáng kiến

1. Thẩm quyền thành lập:

a) Bộ trưởng quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp Bộ;

b) Người đứng đầu các đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Đại học Quốc gia có con dấu, tài khoản riêng quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến của đơn vị.

2. Hội đồng có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng, người đứng đầu đơn vị:

a) Xem xét, đánh giá công nhận sáng kiến;

b) Đánh giá, công nhận sáng kiến; phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trong đơn vị hoặc trong phạm vi cấp tỉnh, Bộ; có xác nhận của cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ sử dụng sáng kiến.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 37. Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 67 Nghị định số 42/2010/NĐ -CP.

2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân trong và ngoài ngành hỗ trợ, đóng góp để bổ sung quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ, quỹ thi đua, khen thưởng của các đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ.

Điều 38. Quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ

1. Quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ được thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 69 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

2. Nội dung chi và mức chi thi đua, khen thưởng của Bộ thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

Điều 39. Trách nhiệm, mức thưởng và nguyên tắc chi thưởng

1. Trách nhiệm chi thưởng

Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chi tiền thưởng các đơn vị, cá nhân được khen thưởng cấp nhà nước do Bộ trưởng trình; các đơn vị, cá nhân hưởng quỹ lương tại Cơ quan Bộ được Bộ trưởng công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng; các đơn vị và cá nhân được Bộ trưởng khen thưởng khi lập được thành tích xuất sắc đột xuất;

Trường hợp khác do Bộ trưởng xem xét, quyết định.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 74, Điều 75, Điều 76 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Nguyên tắc chi thưởng

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Tổ chức thực hiện

Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Chánh Văn phòng, người đứng đầu các đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Giám đốc Đại học Quốc gia, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, trưởng khối, trưởng vùng thi đua và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Điều 41. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2016 thay thế Thông tư số 12/2012/TT- BGDĐT ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục.

2. Bãi bỏ Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm đ Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 27/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 29 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục".

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị và cá nhân phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) để kịp thời xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

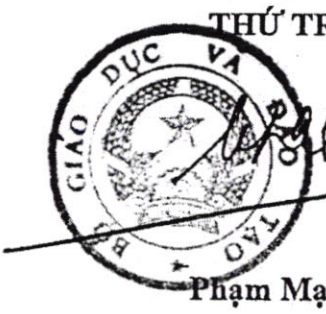

Phạm Mạnh Hùng

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ GDĐT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ;
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ TĐKT (15 bản).